

QUYẾT ĐỊNH

Buộc thôi học và xóa tên khỏi danh sách sinh viên, học viên của Trường Đại học Hà Nội **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI**

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Nội ban hành theo Nghị quyết số 406/NQ-HĐT ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy của Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 793/QĐ-ĐHHN ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1055/QĐ-ĐHHN ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1301/QĐ-ĐHHN ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội về việc chỉnh sửa, bổ sung Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ quyết định 1613/QĐ-ĐHHN ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội thành lập Hội đồng xét thôi học đối với người học các trình độ, các hình thức đào tạo, năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng buộc thôi học ngày 07 tháng 5 năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Buộc thôi học và xóa tên khỏi danh sách sinh viên đối với 77 sinh viên trình độ đại học hình thức Chính quy và 02 học viên trình độ Thạc sĩ do hết thời gian đào tạo theo quy định của Trường Đại học Hà Nội.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2: Các sinh viên, học viên có tên ở Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ chưa hoàn thành trong thời gian học tại Trường theo các quy chế, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hà Nội.

Điều 3: Phòng Công tác sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo tới gia đình sinh viên và địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú theo quy định hiện hành.

Điều 4: Trưởng các đơn vị: Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, Phòng Hợp tác Quốc tế, Phòng Tài chính - Kế toán, các đơn vị đào

tạo, các đơn vị liên quan, các sinh viên, học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG^{uu}



Nguyễn Văn Trào

DANH SÁCH SINH VIÊN HÌNH THỨC CHÍNH QUY BỊ BUỘC THÔI HỌC DO HẾT THỜI GIAN ĐÀO TẠO
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025 -2026

(Kèm theo Quyết định số: 1661 /QĐ-ĐHHN ngày 08 tháng 5 năm 2026)

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Ghi chú
1	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1907010038	12A-19	2019	
2	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Đàm Trung Hải	1907010086	12A-19	2019	
3	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Cao Tuấn Minh	1907010186	12A-19	2019	
4	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Hà Thị Thu Huyền	1907010126	1A-19	2019	
5	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Vương Thu Yên	1907010336	3A-19	2019	
6	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Trương Ngọc Minh	1907010190	4A-19	2019	
7	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Võ Hải Dương	1907010067	5A-19	2019	
8	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Đào Phương Anh	1907010006	6A-19	2019	
9	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Vũ Mỹ Linh	1907010168	6A-19	2019	
10	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Trà My	1907010193	7A-19	2019	
11	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Lê Thị Huệ Lan	1907010146	8A-19	2019	
12	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Phạm Thị Hà My	1907010194	8A-19	2019	
13	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Lê Thảo Nguyên	1907010341	8A-19	2019	
14	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Thị Thu Thảo	1907010278	9A-19	2019	
15	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Lê Thanh Trang	1901040227	1A-21	2021	Chuyên ngành 2
16	Tiếng Hàn Quốc	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Lê Thị Mai Phương	1507010198	5H-17	2017	Chuyên ngành 2
17	Tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Nguyễn Thu Hoài	1907100018	1B-19	2019	
18	Tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Phan Hồng An Phúc	1907100034	1B-19	2019	
19	Tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Kiều Anh Dũng	1907050035	3Đ-19	2019	
20	Tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Nguyễn Thị Nguyệt Hằng	1907050051	1Đ-19	2019	
21	Tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1907050060	4Đ-20	2019	
22	Tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Nguyễn Thu Huyền	1907050061	2Đ-19	2019	
23	Tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Ngô Khánh Linh	1907050073	3Đ-19	2019	
24	Tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Đỗ Thị Phương	1907050110	2Đ-20	2019	
25	Tiếng Hàn Quốc	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CLC	Trần Thị Sen	1907170044	1H-19C	2019	
26	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Thị Linh	1807020065	3N-18	2018	
27	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Ngọc Tuyền	1907020132	1N-19	2019	



444

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Ghi chú
28	Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Nguyễn Tuấn Hùng	1807030043	2P-18	2018	
29	Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Mai Phạm Minh Anh	1907030005	4P-19	2019	
30	Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Nguyễn Tuệ Anh	1907030006	4P-20	2019	
31	Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Phùng Hương Giang	1907030030	2P-20	2019	
32	Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Mai Thu Hằng	1907030040	4P-19	2019	
33	Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Vi Trung Hiếu	1907030044	3P-19	2019	
34	Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Nguyễn Hữu Nhân	1907030075	2P-19	2019	
35	Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Lê Thanh Tùng	1907030086	2P-19	2019	
36	Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Trần Thị Xuân	1907030110	4P-19	2019	
37	Tiếng Pháp	Truyền thông doanh nghiệp	Lê Hoài Thu	1901000058	2TT-19	2019	
38	Tiếng TBN	Ngôn ngữ TBN	Trịnh Hà Anh	1907080008	1TB-19	2019	
39	Tiếng TBN	Ngôn ngữ TBN	Trần Thị Ngọc Ánh	1907080010	2TB-19	2019	
40	Tiếng TBN	Ngôn ngữ TBN	Trần Minh Hiền	1907080029	1TB-19	2019	
41	Tiếng TBN	Ngôn ngữ TBN	Trần Bá Long	1907080045	3TB-19	2019	
42	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Lê Thị Vân Anh	1901040010	7C-19	2019	
43	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Thế Anh	1901040015	8C-19	2019	
44	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	1901040016	8C-19	2019	
45	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Việt Anh	1901040017	5C-19	2019	
46	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Tiêu Đức Anh	1901040023	1C-19	2019	
47	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Hồng Hạnh	1901040071	5C-19	2019	
48	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Huy Hoàng	1901040085	2C-19	2019	
49	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Quang Huy	1901040093	6C-19	2019	
50	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Phạm Việt Huy	1901040096	1C-19	2019	
51	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Hải Ninh	1901040143	6C-19	2019	
52	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Long Nhật	1901040152	8C-19	2019	
53	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Ngọc Sơn	1901040177	2C-19	2019	
54	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Hồng Thái	1901040199	7C-19	2019	
55	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Minh Thư	1901040220	6C-19	2019	
56	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Bá Vinh	1901040242	7C-19	2019	
57	QTKD&DL	Kế toán	Vũ Thị Thúy Huệ	1904010041	1KT-19	2019	
58	QTKD&DL	Kế toán	Nguyễn Thị Hồng Thơm	1904010103	3KT-19	2019	
59	QTKD&DL	Kế toán	Phạm Thảo Vân	1904010114	2KT-19	2019	
60	Quốc tế học	Quốc tế học	Nguyễn Xuân Lộc	1906080080	1Q-20	2019	

V.A
 NG
 OC
 HỒI
 O

22/4

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Ghi chú
61	Quốc tế học	Quốc tế học	Nguyễn Thùy Linh	1906080075	4Q-19	2019	
62	Tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Gia Huy	2001040098	7C-20ACN	2020	
63	Tiếng Anh CN	Kế toán	Trần Phương Linh	2004010064	1KT-20ACN	2020	
64	Tiếng Anh CN	Marketing	Ngô Thị Loan	1904050022	1M-20ACN	2020	
65	Tiếng Anh CN	Quản trị Dịch vụ DL & LH-CLC	Ngô Hải Linh	2006190034	1D-20CACN	2020	
66	Tiếng Anh CN	Tài chính - Ngân hàng	Hà Quỳnh Trâm	2004040104	1TC-20ACN	2020	
67	Tiếng Anh CN	Truyền thông Đa phương tiện	Nguyễn Khánh Minh	2001060053	3TD-20ACN	2020	
68	Tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Đông Tuấn Sơn	1907090091	4I-19	2019	
69	Tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Trần Xuân Biên	1907090012	1I-20	2020	
70	Tiếng Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc	Dương Thị Thu Huyền	1907040100	5T-19	2019	
71	Tiếng Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc	Nguyễn Thị Hồng Ngát	1907040154	5T-19	2019	
72	Tiếng Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc	Trần Thị Thạch Thảo	1907040210	9T-19	2019	
73	Tiếng Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc - CLC	Đinh Thị Cẩm Nhung	1907140038	1T-19C	2019	
74	Tiếng Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc	Nghiêm Thị Linh	1907040123	6T-20	2020	
75	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	YANG LIUTING	19CV040095	1V04-20	2019	
76	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Thị Linh	1907020092	1N-20	2019	
77	Tiếng Hàn Quốc	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CLC	Phạm Đặng Thiên Thanh	1907170046	1H-20C	2019	
78	Đào tạo SDH	Ngôn ngữ Nhật	Đông Thị Vân Anh	2287060108	1TH-NB-30	2022	
79	Đào tạo SDH	Ngôn ngữ Trung Quốc	Lê Anh Phương	2287040103	1TH-T-30	2022	

Danh sách gồm 77 sinh viên và 02 học viên.



QUYẾT ĐỊNH

Buộc thôi học và xóa tên khỏi danh sách sinh viên của Trường Đại học Hà Nội đối với sinh viên trình độ đại học hình thức Chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Nội ban hành theo Nghị quyết số 406/NQ-HĐT ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy của Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 793/QĐ-ĐHHN ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1566/QĐ-ĐHHN ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ quyết định 1613/QĐ-ĐHHN ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội thành lập Hội đồng xét thôi học đối với người học các trình độ, các hình thức đào tạo, năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng buộc thôi học ngày 07 tháng 5 năm 2026;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Buộc thôi học và xóa tên khỏi danh sách sinh viên của Trường Đại học Hà Nội đối với 58 sinh viên trình độ đại học hình thức Chính quy do bị cảnh báo quá 02 lần liên tiếp hoặc số lần cảnh báo quá 05 lần trong toàn khóa học hoặc quá thời hạn nghỉ học tạm thời cho phép.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2: Các sinh viên có tên ở Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ chưa hoàn thành trong thời gian học tại Trường theo các quy chế, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hà Nội.

Điều 3: Phòng Công tác sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo tới gia đình sinh viên và địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú theo quy định hiện hành.

Điều 4: Trưởng các đơn vị: Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, Phòng Hợp tác quốc tế, Phòng Tài chính - Kế toán, các đơn vị đào tạo, các đơn vị liên quan, các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, QLĐT.



Nguyễn Văn Trà



**DANH SÁCH SINH VIÊN HÌNH THỨC CHÍNH QUY BỊ XÓA TÊN KHỎI DANH SÁCH SINH VIÊN
DO KHÔNG NHẬP HỌC SAU KHI HẾT HẠN NGHỈ HỌC TẠM THỜI
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025 -2026**

(Kèm theo Quyết định số: 1662/QĐ-ĐHHN ngày 08 tháng 5 năm 2026)

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Ghi chú
1	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nhuen Tkhan Tkhy	22LEN04325	3A-22	2022	
2	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Chu Quý Khánh Linh	2307010124	5A-22	2022	
3	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Hoàng Linh	2207020067	1A-23	2023	Chuyên ngành 2
4	Tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Nguyễn Như Quỳnh	2307100067	1B-23	2023	
5	Tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Nguyễn Thị Mai	2207050073	4Đ-22	2022	
6	Tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Nguyễn Hà My	2207050077	3Đ-22	2022	
7	Tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Bùi Lan Anh	2307050003	3Đ-23	2023	
8	Tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Hoàng Thị Mỹ Đức	2307050044	4Đ-23	2023	
9	Tiếng Hàn Quốc	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Phạm Huyền Linh	2407070127	2H-24	2024	
10	Tiếng Hàn Quốc	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CLC	Triệu Thanh Mai	2207170076	3H-22C	2022	
11	Tiếng Hàn Quốc	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CLC	Nguyễn Phương Linh	2207170065	4H-22C	2022	
12	Tiếng Hàn Quốc	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CLC	Dương Thị Hiền Anh	2307170004	1H-23C	2023	
13	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Lê Yến Nhi	2207020100	3N-22	2022	
14	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Bùi Mỹ Dung	2307020036	2N-23	2023	
15	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Thân Thành Trung	2301040188	2C-23	2023	
16	Tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin	Quách Thị Phụng	2301040155	4C-23ACN	2023	
17	Tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin-CLC	Nguyễn Thị Thu Hằng	2301140030	1C-23CACN	2023	
18	Tiếng Anh CN	Nghiên cứu Phát triển	Nguyễn Ngọc Mai	2306060028	1NC-23ACN	2023	
19	Tiếng Anh CN	Quản trị dịch vụ DL & LH	Phạm Khánh Ly	2306090048	3D-23ACN	2023	
20	Tiếng Anh CN	Quản trị Dịch vụ DL & LH -CLC	Vũ Anh Ngọc	2306190058	3D-23CACN	2023	
21	Tiếng Anh CN	Quốc tế học	Đỗ Thị Luyến	2306080069	1Q-23ACN	2023	
22	Tiếng Anh CN	Quốc tế học	Vũ Thị Minh Ngọc	2306080088	1Q-23ACN	2023	
23	Tiếng Anh CN	Quốc tế học	Hoàng Bích Ngọc	2306080083	3Q-23ACN	2023	
24	Tiếng Anh CN	Quốc tế học	Nguyễn Thùy Linh	2306080063	4Q-23ACN	2023	
25	Tiếng Anh CN	Quốc tế học	Vũ Thị Phương Thảo	2306080108	4Q-23ACN	2023	
26	Tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Nguyễn Phương Uyên	2307090078	2I-23	2023	
27	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam	DOU DONGYU	24LVN04030	1V0425	2025	

DANH SÁCH SINH VIÊN HÌNH THỨC CHÍNH QUY BỊ XÓA TÊN KHỎI DANH SÁCH SINH VIÊN
DO BỊ CẢNH BÁO TỪ 2 LẦN LIÊN TIẾP TRỞ LÊN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025 -2026

(Kèm theo Quyết định số: 1662/QĐ-DHHN ngày 08 tháng 5 năm 2026)

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Ghi chú
1	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Hoàng Trần Tuấn Anh	2107010023	6A-21	2021	
2	Tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Đoàn Thành Trung	2307100078	1B-23	2023	
3	Tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Nguyễn Thị Kim Ngân	2207050081	3Đ-23	2022	
4	Tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Lê Tuấn Anh	2307050008	2Đ-23	2023	
5	Tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Nguyễn Lê Nguyên Hà	2307050047	2Đ-23	2023	
6	Tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Lục Nam Khánh	2307050066	2Đ-23	2023	
7	Tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	Nguyễn Phương Uyên	2307050142	3Đ-23	2023	
8	Tiếng Hàn Quốc	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Nguyễn Thanh Trúc	2207070097	2H-22	2022	
9	Tiếng Hàn Quốc	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Vi Minh Quang	2407070035	2H-24	2024	
10	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Phan Hùng Anh	2307020016	2N-23	2023	
11	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Phạm Lê Diễm Chi	2307020032	2N-23	2023	
12	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Mạnh Hùng	2407020082	1N-24	2024	
13	Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Đỗ Anh Đức	2307030038	1P-23	2023	
14	Tiếng TBN	Ngôn ngữ TBN	Nguyễn Thu Trang	2107080077	3TB-21	2021	
15	Tiếng TBN	Ngôn ngữ TBN	Phí Đình Đại Lộ	2407080052	1TB-24	2024	
16	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Phạm Thái Dương	2301040034	4C-23	2023	
17	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Hoàng Hải Đăng	2301040040	6C-23	2023	
18	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Phùng Thế Sơn	2301040166	2C-23	2023	
19	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	Khổng Diệu Thanh	2301040170	1C-23	2023	
20	QTKD & DL	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Phương Anh	2304040003	2TC-23	2023	
21	Tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin	Phạm Ngọc Luyến	2401040036	2C-24ACN	2024	
22	Tiếng Anh CN	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Nguyễn Ngân Anh	2306090004	2D-23ACN	2023	
23	Tiếng Anh CN	Quản trị Dịch vụ DL & LH	Phan Văn Ninh	2406090046	1D-24ACN	2024	
24	Tiếng Anh CN	Truyền thông Đa phương tiện	Vũ Thị Thu Hoài	2401060054	2TĐ-24ACN	2024	
25	Tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Đỗ Thu Thảo	2307090060	2I-23	2023	
26	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	CHEN LIKUN	23LVN04054	1V0423	2023	



STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Ghi chú
27	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	XU JIAWEN	23LVN04027	2V0423	2023	
28	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	CHEN GUIYE	23LVN04133	2V0423	2023	
29	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	CHEN JUNXI	24LVN04133	4V0424	2024	
30	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	TÀO WENXUAN	24LVN04186	2V0425	2025	
31	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	ZHOU JIAXING	24LVN04131	6V0424	2024	

Danh sách gồm 31 sinh viên.



QUYẾT ĐỊNH

Xóa tên khỏi danh sách sinh viên Trường Đại học Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Nội ban hành theo Nghị quyết số 406/NQ-HĐT ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy của Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 793/QĐ-ĐHHN ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1566/QĐ-ĐHHN ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ quyết định 1613/QĐ-ĐHHN ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội thành lập Hội đồng xét thôi học đối với người học các trình độ, các hình thức đào tạo, năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng buộc thôi học ngày 07 tháng 5 năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Xóa tên khỏi danh sách sinh viên đối với 80 sinh viên trình độ đại học hình thức Chính quy do tự ý nghỉ học từ 01 học kỳ trở lên.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2: Các sinh viên, học viên có tên ở Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ chưa hoàn thành trong thời gian học tại Trường theo các quy chế, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hà Nội.

Điều 3: Phòng Công tác sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo tới gia đình sinh viên và địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú theo quy định hiện hành.

Điều 4: Trưởng các đơn vị: Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, Phòng Hợp tác Quốc tế, Phòng Tài chính - Kế toán, các đơn vị đào tạo, các đơn vị liên quan, các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, QLĐT.



Nguyễn Văn Triều

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN, HỌC VIÊN HÌNH THỨC CHÍNH QUY BỊ XÓA TÊN KHỎI DANH SÁCH SINH VIÊN, HỌC VIÊN
DO TỰ Ý NGHỈ HỌC TỪ 1 HỌC KỲ TRỞ LÊN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025 -2026

(Kèm theo Quyết định số: 1664 /QĐ-DHNN ngày 08 tháng 5 năm 2026)

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Ghi chú
1	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Nguyễn Quỳnh Giang	2007010062	4A-20	2020	
2	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Ngô Sương Nguyệt Ánh	2207010037	4A-22	2022	
3	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Liu Hang	22LVN04067	10A-23	2023	
4	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Trịnh Thị Trang	2307010264	3A-23	2023	
5	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Đoàn Ngọc Cẩm Hà	2407210051	1A-24TT	2024	
6	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Lê Thuận Thiên Anh	2407210022	2A-24TT	2024	
7	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Đỗ Phương Anh	2307010007	3A-24	2024	
8	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Bogdanov Evgenii	23LVN04050	1A-25	2025	
9	Tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Đào Thị Hồng Lê	2007100028	1B-20	2020	
10	Tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Trần Tiên Lực	2007100032	1B-20	2020	
11	Tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Nguyễn Hoài Nam	2007100037	1B-20	2020	
12	Tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Phạm Thị Lài	2007100027	2B-20	2020	
13	Tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Khuất Thị Thảo Chi	2307100014	2B-23	2023	
14	Tiếng BDN	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	Trần Thị Hồng Hải	2407100064	2B-24	2024	
15	Tiếng Hàn Quốc	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Bùi Thị Hường	2107070079	2H-21	2021	
16	Tiếng Hàn Quốc	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CLC	Nguyễn Thùy Dương	2007170019	3H-20C	2020	
17	Tiếng Hàn Quốc	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CLC	Nguyễn Tuệ Sơn	2107170081	1H-21C	2021	
18	Tiếng Hàn Quốc	Ngôn ngữ Hàn Quốc - CLC	Ngô Phúc Thuận	2207170124	4H-22C	2022	
19	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Vũ Kim Tuyền	2207020119	1N-22	2022	
20	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Bảo Ngọc	2207020093	1N-23	2022	
21	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Thị Ngọc Mai	2307020107	1N-23	2023	
22	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Nguyễn Thị Thu Hiền	2307020061	2N-23	2023	
23	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Đỗ Nguyệt Minh	2307020114	2N-23	2023	
24	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Lại Thu Trang	2307020149	3N-23	2023	
25	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Lê Thuý Linh	2407020092	1N-24	2024	



STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Ghi chú
26	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Phạm Ngọc Vân Anh	2407020003	4N-24	2024	
27	Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Dương Hạ Vy	2207030119	1P-23	2022	
28	Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Vũ Phương Duyên	2307030033	1P-23	2023	
29	Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Trần Bảo Long	2307030075	1P-23	2023	
30	Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Nguyễn Công Hạnh	2307030044	4P-23	2023	
31	Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Trần Yến Nhi	2407030101	1P-24	2024	
32	Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Trần Ngọc Huy	2407030122	1P-24	2024	
33	Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Vũ Thị Thu Uyên	2407030130	2P-24	2024	
34	Tiếng TBN	Ngôn ngữ TBN	Lê Bích Ngọc	2407080087	1TB-24	2024	
35	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin - CLC	Dương Hải Nguyên	2301140069	3C-23C	2023	
36	Công nghệ Thông tin	Truyền thông Đa phương tiện	Nguyễn Thị Anh	2401060050	2TĐ-24	2024	
37	QTKD&DL	Marketing	Danh Thêm	2304050066	2M-24	2024	
38	QTKD&DL	Quản trị dịch vụ DL & LH	Trần Thị Mỹ Nga	2106090050	1D-21	2021	
39	QTKD&DL	Quản trị dịch vụ DL & LH	Dương Minh Trí	2406090069	2D-23	2023	
40	QTKD&DL	Quản trị dịch vụ DL & LH	Lục Phương Nhi	2306190060	2D-23C	2023	
41	QTKD&DL	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thảo Linh	2404000035	2K-24	2024	
42	QTKD&DL	Quản trị kinh doanh	Trần Lan Anh	2404000078	2K-24	2024	
43	QTKD&DL	Tài chính - Ngân hàng	Ngô Yến Nhi	2304040072	3TC-23	2023	
44	Quốc tế học	Nghiên cứu phát triển	Nguyễn Phương Mai	2306060029	2NC-23	2023	
45	Quốc tế học	Nghiên cứu phát triển	Vũ Thu Trang	2306060047	2NC-23	2023	
46	Quốc tế học	Quốc tế học	Lương Thế Hải	2006080030	3Q-20	2020	
47	Quốc tế học	Quốc tế học	Vũ Thị Thu Phương	2006080109	5Q-20	2020	
48	Quốc tế học	Quốc tế học	Hà Hồ Ngọc Trâm	2206080123	3Q-22	2022	
49	Tiếng Anh CN	Công nghệ Tài chính	Trần Minh Thúy	2404060073	2CT-24ACN	2024	
50	Tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin	Bùi Thanh Tùng	2301040193	4C-23ACN	2023	
51	Tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin	Trần Đức Nguyên	2401040196	6C-24ACN	2024	
52	Tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin - CLC	Đặng Việt Hưng	2301140046	3C-23CACN	2023	
53	Tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin-TT	Chu Thị Ngọc Bích	2401240072	2C-24TTACN	2024	
54	Tiếng Anh CN	Công nghệ Thông tin-TT	Nguyễn Tuấn Anh	2401240092	3C-24TTACN	2024	
55	Tiếng Anh CN	Quản trị Kinh doanh	Nguyễn Bá Minh	2404000055	2K-24ACN	2024	
56	Tiếng Anh CN	Quốc tế học	Delgado Ossipova Tiziana Victoria	24LIS04001	1Q-24ACN	2024	
57	Tiếng Anh CN	Truyền thông Đa phương tiện	Bùi Tiến Đạt	2401060041	2TĐ-24ACN	2024	
58	Tiếng Anh CN	Truyền thông Đa phương tiện	Nguyễn Công Tuấn	2401060047	2TĐ-24ACN	2024	

STT	Khoa	Ngành	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Khóa	Ghi chú
59	Tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Vũ Phương Hạnh Nguyễn	2407090026	1I-24	2024	
60	Tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia	Nguyễn Ngọc Ánh	2407090070	2I-24	2024	
61	Tiếng Italia	Ngôn ngữ Italia - TT	Phạm Minh Châu	2407290016	1I-24TT	2024	
62	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	KIM TAEYEON	18CV040001	1V0421	2021	
63	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	LIU GUANG	22LVN04001	1V0422	2022	
64	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	HUANG RUI	23LVN04037	3V0423	2023	
65	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	ZHOU QUAN	23LVN04069	3V0423	2023	
66	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	ZHOU PINGFAN	24LVN04138	2V0424	2024	
67	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	ZHU JIANGKUI	24LVN04107	2V0424	2024	
68	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	ZENG FULIN	24LVN04144	2V0424	2024	
69	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	ZHANG ZEYUAN	24LVN04159	2V0424	2024	
70	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	LI XUEYING	24LVN04016	3V0424	2024	
71	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	LU JIALIN	24LVN04102	3V0424	2024	
72	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	ZHENG ZHIYI	23LVN04089	4V0424	2024	
73	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	WU TONGTONG	24LVN04151	4V0424	2024	
74	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	HUANG CANMING	24LVN04173	4V0424	2024	
75	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	LAO JU	24LVN04070	5V0424	2024	
76	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	LUO SHENGJIAN	24LVN04117	5V0424	2024	
77	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	SU YANG	24LVN04150	5V0424	2024	
78	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	PAN GUANGSHUAI	24LVN04029	6V0424	2024	
79	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	LIU ZEZHEN	24LVN04109	6V0424	2024	
80	Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hoá VN	WU ZHIZHANG	24LVN04176	6V0424	2024	

Danh sách gồm 80 sinh viên.

ĐẠI HỌC